

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 56/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Kim L, sinh năm 1994.

- *Bị đơn*: Anh Lê Quốc V, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: Khối 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13/9/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Kim L và anh Lê Quốc V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lê Thị Kim L và anh Lê Quốc V thuận tình ly hôn.

*** Về con chung:** Giao con chung là cháu Lê Ngọc Xuân T, sinh ngày 09/6/2019 cho chị Lê Thị Kim L chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng, bắt đầu từ ngày 01/ 10/ 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ

quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

*** Về tài sản chung, nợ chung:** Không có tài sản chung, nợ chung.

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 144; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 26; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị Kim L tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng, tổng cộng là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2010/0003930 ngày 25/8/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Tô;
- Chi cục THADS huyện Đắk Tô;
- UBND thị trấn Đắk Tô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Trần Minh Huy